

Phụ lục 1

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THEO CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

TT	Chỉ số thành phần	Điểm năm 2022	Xếp hạng năm 2022	Mục tiêu năm 2023		Đơn vị đầu mối/chủ trì
				Trên hoặc bằng	6,85	
I	Chỉ số thành phần số 9 về “đào tạo lao động”	6,80	5	Trên hoặc bằng	6,85	Sở Lao động – TB&XH – Đầu mối
1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng (%)	64,71%	19	Trên hoặc bằng	82,9%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc tuyển dụng cán bộ kỹ thuật tại tỉnh là dễ dàng (%)	49,57%	7	Trên hoặc bằng	50,0%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng (%)	47,01%	6	Trên hoặc bằng	50,0%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
4	Tỷ lệ chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	5,13%	16	Dưới hoặc bằng	3,2%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
5	Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	6,26%	22	Dưới hoặc bằng	2,35%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
6	Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (% đồng ý)	54,24%	27	Trên hoặc bằng	61,4%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
7	Tỷ lệ lao động tại DN đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (%)	69,68%	1	Trên hoặc bằng	70,0%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
8	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo (%)	26,72%	19	Trên hoặc bằng	27,0%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
9	Lao động tại địa phương đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp (%)	36,75%	40	Trên hoặc bằng	60,9%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
10	Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (% đồng ý)	55,93%	38	Trên hoặc bằng	78,0%	Sở Giáo dục và Đào tạo
11	Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT	6,59	11	Trên hoặc bằng	6,60	Sở Giáo dục và Đào tạo